PHẨM THỨ TÁM: "NGŨ BÁ ĐỆ TỬ THỌ KÝ"

Dùng nhân duyên đời trước nói lên nghĩa khai mở ba thừa mà hiển bày một thừa để giáo hóa người có căn cơ thấp kém tức có ba phẩm kinh và được phân làm hai đoạn. Đoạn thứ nhất ở trên tức thuộc một phẩm nêu ra nhân duyên đời trước để hóa độ người có căn tánh thấp kém. Từ đây trở xuống có hai phẩm là phần thứ hai "thọ ký cho người có căn cơ thấp kém". Hạng người có căn cơ thấp kém này sở dĩ trước không lãnh ngộ hiểu biết trước là vì lãnh hội sau mọi người nên không dám tự quyết định cho nên Như lai biết sự hiểu biết của họ mà thọ ký cho họ. Nhưng trong việc tự thọ ký vốn có bao hàm nghĩa chứng minh sự lãnh ngộ hiểu biết. Phẩm này cũng có thọ ký cho Phú-lâu-na, thọ ký cho một ngàn hai trăm người, thọ ký cho năm trăm người, thọ ký hết cho các Thanh-văn, vậy tại sao ghi nhận ở đầu đề chỉ có năm trăm đệ tử. Đáp: Năm trăm người được thọ ký với danh hiệu, quyến thuộc nhiều ít tức đều có khả năng đồng lãnh ngộ hiểu biết còn những người khác thì không như vậy cho nên mới nói phẩm "Ngũ Bá Đệ Tử thọ ký"(năm trăm đệ tử được thọ ký). Hai phần dưới tức được phân làm hai đoạn. Phẩm trước nói lên việc thọ ký cho hạng người Vô học. Phẩm sau nói lên việc thọ ký cho cả hạng người Hữu học và Vô học.

Căn cứ trong phẩm này tự có hai phần: 1. Trước hết nêu ra sự việc Phú-lâu-na mong được thọ ký; 2. Nói lên sự việc các Thanh-văn mong được thọ ký. Trong việc Phú-lâu-na mong được thọ ký lại có hai phần: 1. Trước hết kinh gia trình bày tướng hiểu biết của Phú-lâu-na; 2. "Từ Phật bảo các Tỳ-kheo" trở xuống chính là nêu lên Như Lai thuật lại việc thọ ký cho Phú-lâu-na. Trong phần một lại có hai phần nữa: 1. Trình bày nguyên do được hiểu biết của Phú-lâu-na; 2. Trình bày tướng hiểu biết của Phú-lâu-na. Trong phần trình bày nguyên do được hiểu biết của Phú-lâu-na lại gồm có bốn phần: 1. Trình bày sự hiểu biết về việc dùng pháp để thuyết khai mở ba thừa và hiển bày một thừa ở trên; 1. Nói "lại nghe thọ ký cho các vị đệ tử lớn" trở xuống tức trình bày sự hiểu biết về cách dùng thí dụ để thuyết khai mở ba thừa và hiển bày một thừa giáo hóa cho hạng người có căn tánh bậc trung ở trên; 3. Nói "lại nghe việc nhơn duyên đời trước" tức trình bày bản thân tự hiểu việc nói lên nhân duyên đời trước trong "hóa thành; 4. Nói "lại nghe các đức Phật có sức tự tại thần thông lớn" tức nêu lên việc lắng nghe phẩm "hóa thành" ở trên, nghĩa là ban đầu nêu ra việc đức Như Lai có đạo nhãn thần thông có khả năng thấy rõ sự việc lâu xa.

"Đặng đều chưa từng có" trở xuống tức phần trình bày tướng được hiểu biết và cũng có bốn phần: 1. Trước tiên nêu ra việc được hiểu biết cho nên nội tâm vui mừng; 2. Từ "liền từ chỗ ngồi đứng dậy" trở xuống tức nêu lên do được hiểu biết cho nên ngoại hình cung kính; 3. Từ "mà nghĩ thế này" trở xuống tức nêu lên ngài Phú-lâu-na do hiểu được cho nên nhớ nghĩ tới công đức của Phật; 4. Nói "chỉ có đức Phật Thế Tôn hay biết bổn nguyện trong thâm tâm của chúng con" tức nêu lên ngài Phú-lâu-na do được hiểu rõ mà ngầm chiêu cảm đến Như Lai. "Bản nguyện của thân tâm" tức tương ưng với câu "Tất cả trí nguyện của mười sáu vị vương tử" trong phẩm Hóa Thành Dụ.

"Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo" trở xuống là phần thứ hai nêu lên Như Lai thuật lại việc thọ ký cho Phú-lâu-na. Phần này tự có hai đoạn tức Văn Trường hàng và kệ tụng. Nhưng trong Văn Trường hàng và kệ tụng, một phần được phân làm hai. Trong phần Văn Trường hàng tự có hai mục: 1. Ghi nhận tướng hành nhân của Phú-lâu-na; 2. "Qua vô lượng kiếp" trở xuống tức ghi nhận sự chứng đạt quả vị của Phú-lâu-na. Trong việc ghi nhận tướng hành nhân của Phú-lâu-na tức nói ngài Phú-lâu-na đã từng ở nơi năm vị Phật hộ trì tạng pháp và được phân thành năm đoạn: 1. Trước hết nêu lên sự hộ trì tạng pháp ở nơi đức Thích Ca. Ngài Phú-lâu-na lúc ấy ở trong chúng hiện tại tại sao nói "có thấy chăng?" Vì ý Phật muốn nói các Tỳ-kheo chỉ thấy được hình tướng của Phú-lâu-na mà không thấy được các hạnh của Phú-lâu-na cho nên nói "có thấy chăng"; 2. Nói "các ông chớ tưởng" trở xuống tức nói lên ngài Phú-lâu-na đã từng ở nơi chỗ chín mươi ức đức Phật hay hộ trì chánh pháp. Trong ý này đều nêu lên dấu tích xưa kia; 3. Nói ở nơi bảy đức Phật hộ trì tạng pháp; 4. Nói lên ở nơi chỗ các đức Phật trong hiền kiếp mà hộ trì tạng pháp; 5. Nói lên việc ở nơi vô lượng các đức Phật trong đời vị lai mà hộ trì tạng pháp. Như những điều trên đều nói lên nghĩa hành nhân. "Quá khứ vô lượng A-tăng-kỳ kiếp" trở xuống là phần thứ hai tức ghi nhận sự đắc quả của Phú-lâu-na.

"Mà nói kệ" trở xuống tức nêu lên đức Phật thọ ký cho Phú-lâu- na. Trong đoạn này tự có hai phần tức là Văn Trường hàng và kệ tụng. Nay trong phần kệ tụng gồm có hai mươi mốt hàng rưỡi kệ và có hai cách giải thích. Một cách cho rằng ban đầu có mười bốn hàng tụng phần thứ nhất "ghi nhận việc hành nhân ấy". Và sau có bảy hàng rưỡi kệ tụng phần thứ hai "ghi nhận chứng đắc quả vị". Một cách khác lại cho rằng phải nên phân ra làm ba đoạn: 1. Trước hết có bảy hàng kệ không tụng phần Văn Trường hàng ở trên mà mở rộng tụng về: các Bồ-tát thị

hiện làm Thanh-văn làm ảnh hưởng đức Như Lai; 2. Có bảy hàng tụng phần thứ nhất "hành nhân" trong Văn Trường hàng ở trên; 3. Có bảy hàng rưỡi kệ tụng phần thứ hai "ghi nhận sự đạt được quả vị ấy" trong Văn Trường hàng ở trên.

"Nay Phú Lầu Na đây" trở xuống có bảy hàng tức là phần thứ hai tụng phần thuật lại sự hành nhân của Phú-lâu-na. Nhưng ở văn nói hành nhân thì Phú-lâu-na đã từng ở nơi năm đức Phật để hộ trì tạng pháp, nay bảy hàng đây chỉ tụng ở hai Đức Phật để hộ trì tạng pháp. Ban đầu có năm hàng tụng Phú-lâu-na đã ở nơi chín vạn ức đức Phật trong quá khứ mà hộ trì tạng pháp. "Vị lai cũng cúng dường" trở xuống có hai hàng tụng việc Phú-lâu-na ở chỗ các Phật trong đời vị lai mà hộ trì tạng pháp. "Cúng dường các Như Lai" trở xuống có bảy hàng rưỡi kệ tụng phần thứ hai trong Văn Trường hàng ở trên tức ghi nhận cho Phú-lâu-na chứng đạt quả vị.

"Bấy giờ, một nghìn hai trăm vị A-La-hán" trở xuống là phần thứ hai của phẩm nêu lên sự việc các Thanh-văn được thọ ký. Căn cứ trong đây tự có hai đoạn: 1. Thọ ký cho các Thanh-văn; 2".Bấy giờ năm trăm vị A-la-hán ở trước Phật" trở xuống người được thọ ký lãnh ngộ hiểu biết. Trong đoạn một tự có hai phần: 1. Thọ ký riêng biệt; 2. Có một hàng rưỡi kệ tổng quát thọ ký cho các Thanh-văn. Trong phần riêng biệt thọ ký lại có hai phần: Văn Trường hàng và kệ tụng. Trong Văn Trường hàng cũng có hai phần: 1. Trước hết thọ ký cho một ngàn hai trăm người: 2. "Năm trăm vị A-la-hán ấy" trở xuống tức nêu lên việc thọ ký cho năm trăm người. Căn cứ trong phần đầu lại phân làm hai: 1. Một nghìn hai trăm người xin được thọ ký; 2. Nói "đức Phật biết tâm niệm v.v..." trở xuống chính là nêu lên việc thọ ký cho một nghìn hai trăm người. Trong phần xin được thọ ký có hai phần: 1. Kinh gia trình bày; 2. Nói lên việc xin được thọ ký. Nhưng trong một nghìn hai trăm người chính là nêu ra Kiều Trần Như làm điển hình "Năm trămLa-hán này" là phần thứ hai nêu ra việc thọ ký cho năm trăm vị A-la-hán".

"Mà nói kệ rằng" là phần kệ tụng thứ hai gồm có chín hàng rưỡi kệ. Trong đó có sáu hàng kệ đầu tụng việc một nghìn hai trăm người được thọ ký. "Năm trăm Tỳ-kheo kia, thứ tự sẽ làm Phật" trở xuống ba hàng rưỡi kệ tụng về năm trăm người được thọ ký. "Ca-diếp ông đã biết" trở xuống gồm một hàng rưỡi kệ tức phần thứ hai "thọ ký tổng quát cho các Thanh-văn". Tuy là kệ nhưng cũng thuộc Văn Trường hàng này.

"Bấy giờ, năm trăm vị A-la-hán ở trước Phật được thọ ký. Từ trên

đến nay là nêu lên sự việc Thanh-văn được thọ ký và gồm có hai phần. Thứ nhất chính vì các Thanh-văn mà thọ ký. Từ đây trở xuống là phần thứ hai nêu ra các Thanh-văn được thọ ký tức có năm trăm người lãnh ngộ hiểu biết. Trong phần năm trăm người lãnh ngộ hiểu biết tự có hai phần tức Văn Trường hàng và kệ tụng. Trong Văn Trường hàng cũng có hai phần: 1. Lược nói lãnh ngộ hiểu biết; 2. Rộng nói lãnh ngộ hiểu biết. Lại trong hai đoạn lược nói và rộng nói mỗi đoạn tự có hai phần.

Trong đoạn lược nói lãnh ngộ hiểu biết có hai phần tức là: 1. Dùng pháp để thuyết; 2. "Nay mới biết đó là như người vô trí" trở xuống tức dùng thí dụ để thuyết. Trong đoạn phần rộng nói lãnh ngộ hiểu biết cũng có hai phần tức khai dụ và hợp dụ. Xét văn trong phần khai dụ chỉ có năm thí dụ mà không triển khai thí dụ thứ sáu. Nay cho rằng có ngầm nêu ra. Làm sao biết được? Vì trong phần hợp dụ dưới đây có và kệ tụng cũng có nêu lên: 1. Thí dụ "cột châu báu"; 2. Thí dụ "không tự biết"; 2. Thí dụ "đi qua nước khác; 4. Thí dụ "cùng gặp gở nhau"; 5. Thí dụ "chỉ ra châu báu". Thí dụ thứ sáu "được châu báu" trong Văn Trường hàng không có nêu lên. Thí dụ "cột châu báu" tức lãnh hội thí dụ "dẫn đường" trong phẩm Hóa Thành ở trên, cũng lãnh hội xa ở thí dụ "cha con thất lạc nhau" trong việc nói về gả cùng tử cũng lãnh hội với thí dụ tổng: "Chủ nhà" trong nhà lửa và cũng lãnh hội ở trong phẩm Phương tiện nói "nay ta cũng như vậy" trở xuống nói rõ sự giáo hóa chúng sanh của đức Thích Ca với chư Phật giống nhau. Thí dụ "không tự hiểu biết" tức lãnh hội thí dụ "mỏi mệt thối lui" trong phẩm Hóa Thành ở trên, cũng lãnh hội thí dụ "gọi con mà không được" trong chuyện nói về gã cùng tử, cũng xa lãnh hội xa ở thí dụ "Trưởng giả cứu con mà không được" ở trong nhà lửa, cũng tương hợp với nghĩa trong phẩm Phương tiện nói "Như Lai dùng Đại thừa giáo hóa chúng sanh mà không được". Thí dụ"dạo đi đến nước khác" tức lãnh hội thí dụ" thiết lập hóa thành" trong phẩm Hóa Thành, cũng lãnh hội thí dụ "gọi được con" và "chỉ bảo người làm" trong thí dụ gã cùng tử, cũng lãnh hội xa ở thí dụ "dùng ba thứ xe để cứu được con" trong thí dụ nhà lửa, cũng xa tương ưng với phẩm Phương tiện nói "nhớ nghĩ về Phật quá khứ" trở xuống nói rõ đức Như Lai dùng ba thừa mà giáo hóa được chúng sanh. Thí dụ "gặp gở nhau" tức lãnh hội thí dụ "biết dừng nghĩ" trong phẩm Hóa Thành, cũng lãnh hội xa ở thí dụ "thấy con có chí lớn" trong thí dụ gã cùng tử, cũng lãnh hội thí dụ "thấy con thoát khỏi nạn" trong thí dụ nhà lửa cũng tương ứng xa với trong phẩm Phương tiện nói "ta thấy các Phật tử, ý chí cầu Phật đạo" trở xuống nói rõ đức Phật thấy chúng sanh có căn cơ Đại

thừa. Thí dụ "chỉ ra châu báu" tức lãnh hội thí dụ "hủy bỏ hóa thành mà sẽ đến chỗ châu báu" trong phẩm Hóa Thành, cũng lãnh hội xa ở thí dụ "giao phó gia nghiệp" trong thí dụ gã cùng tử cũng lãnh hội xa ở thí dụ "Trưởng giả ban xe lớn cho các con" trong thí dụ nhà lửa, cũng xa tương ưng với trong phẩm Phương Tiện: "mà chỉ nói đạo vô thượng" tức nói kinh Pháp Hoa: Trong đây lẽ ra phải có thí dụ thứ sáu "vui mừng" vì tuy không lãnh hội nghĩa trong "hóa thành" mà lãnh hội nghĩa "cùng tử, nhà lửa và hoan hỷ trong phẩm Phương tiện.

Tuy nhiên thí dụ dẫn đường trong phẩm Hóa Thành vốn có bốn nghĩa. Nay Thí dụ thứ nhất "cột châu báu" cũng có bốn nghĩa "nếu có người" tức là thí dụ về người có căn tánh thấp kém tương tứng với trong phần dùng thí dụ để thuyết ở trên nói "nếu có nhiều chúng" trở xuống nhằm nêu lên nghĩa "ba mươi người con". "Đến nhà bạn thân" tức tương ưng với thí dụ "năm trăm do tuần" và "có một ngôi nhà" ở trên. "Say rượu mà nằm" tức tương ưng với nghĩa "sợ hãi". "Lúc đó người bạn thân" trở xuống tức tương hợp với nghĩa "đạo sư" và hợp với "mười sáu vị vương tử". "Thuở xưa đã giảng kỷ lưỡng" tức là bạn thân "Lúc ấy thính chúng" tức là đi vào sanh tử. "Chỗ giảng kỹ lưỡng" tức là nhà "Say rượu mà nằm" tức là bị phiền nảo ràng buộc nên tự mình chuốc lấy rượu hôn mê mà nằm đó. Lại có người giải thích rằng "liền đến nhà bạn thân" tức nói bạn thân cho người ấy uống rượu. "Bạn thân" chính là mười sáu vị vương tử. Tại sao nói "vương tử cho chúng sanh phiền não"? Chư Phật Thánh nhơn không vì chúng sanh mà tạo ra nhân duyên phiền não cho nên biết người ấy đi đến chỗ khác uống rượu rồi đến nhà bạn thân tương tự ở dưới nói "nhà ấy giàu có lớn chuyên thiết đãi các cao lương mỹ vị, lại tự có người trong một ngày thường dâng hoa quả nhưng không có rượu". "Có việc quan phải đi" tức chẳng phải mới làm, ý nói bấy giờ nhân duyên thuyết giảng kỷ lưỡng của mươi sáu vị vương tử đã hết mà vì đến phương khác để nói pháp cho nên nói "có việc quan phải đi". "Lấy châu báu cột trong áo của gã say" tức tương ưng nói "lúc ấy các vương tử vì chúng sanh mà nói pháp Đại thừa". Nay chúng sanh lúc ấy đã hiểu được Đại thừa và do lý Đại thừa rất quý trọng "cho nên nói "vô giá". Sự hiểu biết Đại thừa này thật đáng trân trọng quý như ngọc báu. Lý ấy tất tròn đầy như ngọc làm nghĩa của nhân. Do không mất nên gọi là cột. Đã vượt ra ngoài phàm phu không mất và hoại diệt cho nên nói "trong vạt áo". "Người ấy say mà nằm" đều không hay biết gì cả". Đây là hợp với thí dụ thứ hai "không tự hay biết" cũng hợp với thí dụ "mỏi mệt thoái lui" ý hợp nói "xưa kia mười sáu vương

tử vì chúng nói Đại thừa và đạt đến sự lý giải Đại thừa nên mười sáu vương tử đi qua phương khác để giáo hóa". "Chúng sanh đánh mất sự hiểu biết về Đại thừa và từ đó đến nay đều không biết" tức tương ưng với văn kinh nói "con có sự hiểu biết về Đại thừa mà không hay biết" nhằm nói lên "không có căn cơ Đại thừa" "Sau khi dậy bèn dạo đi" trở xuống tức nêu lên thí dụ thứ ba "đi đến nước khác" nhằm ngụ ý nêu lên chúng sanh không có căn cơ Đại thừa mà chỉ có căn cơ Tiểu thừa. Từ giáo Tiểu thừa mà tu hành cầu nhân tìm quả tức hợp với thí dụ "thiết lập hóa thành". Trong thí dụ trên vốn có bốn nghĩa nối tiếp: 1. Dùng "Hóa thành" để dự định thích nghi; 2. Có căn cơ kham nhận lắng nghe về "hóa thành"; 3. Thiết lập "hóa thành"; 4. Các người thọ nhận và hành trì. Tuy nhiên nay không nêu lên ba phần trước mà chỉ nêu lên nghĩa thứ tư. Trong việc thọ nhận và hành trì ở văn trên cũng có bốn phần và nay cũng nêu lên đầy đủ: 1. Nói "sau khi dậy bèn dạo đi" tức hợp nêu lên "bấy giờ tâm mọi người mỏi mệt liền rất vui mừng" nhằm nói rõ hạng ngoài phàm phu tu hành tức "tâm mỗi người mạnh mẽ lên" nghe pháp mà tin nhận; 2. Nói "đi đến nước khác" tức hợp với ở trên nói "các con nay đã tránh xa đường hiểm ác "nhằm nói lên hạng người bên trong phàm phu tu hành. Do tin vào năm căn mà thiết lập cho nên nói "nước khác"; 3. Nói "vì việc ăn mặc mà gắng sức tức hợp với ở trên nói "đối với các người ấy trước kiến đế rồi Tư duy đạo đối trị" tức tương ưng với nghĩa "tranh nhau cùng ruỗi chạy"; 4. Nói "nếu có được chút ít bèn cho là đủ" tức hợp với ở trên nói "đi vào hóa thành mà phát khởi tưởng đã diệt độ" nhằm nói rõ quả vị Vô học tương ưng với nghĩa "tranh nhau ra khỏi nhà lửa". "Lúc sau người bạn thân gặp gở" tức nêu lên thí dụ thứ tư "cùng gặp gở nhau" lãnh hội thí dụ ở trên "biết ngơi nghỉ" nói "bấy giờ vị đạo sư biết chúng nhơn ấy đã được ngơi nghỉ" nhằm nói rõ căn cơ Đại thừa phát khởi "Bèn bảo rằng: lạ thay anh này" trở xuống là thí dụ thứ năm "chỉ ra châu báu" tức lãnh hội thí dụ "diệt hóa thành mà đi đến chỗ chứa châu báu trong phẩm Hóa Thành, cũng lãnh hội xa ở thí dụ "nhà lửa" và trong phẩm Phương tiện nói "nay hành nhân Đại thừa để đạt được quả Đại thừa". Do vậy cho nên nói "đổi chác lấy đồ cần dùng". Từ đây trở xuống cũng nên nêu lên thí dụ thứ sáu "vui mừng" nhưng trong văn kinh lược bỏ, nay tạm đưa ra để đối với phần hợp dụ ở dưới.

"Đức Phật cũng lại như vậy" trở xuống tức là hợp dụ thứ hai. Từ đây trở xuống "khiến phát tâm cầu Nhứt thiết trí" tức hợp với thí dụ "lấy châu báu vô giá cột trong áo của gã say". "Mà chúng con liền bỏ quên không hay, không biết" tức hợp thí dụ thứ hai ở trên "không tự

hay biết". "Đã được đạo A-la-hán" trở xuống tức hợp thí dụ thứ ba "dạo đến nước khác". Trong thí dụ ở trên vốn có bốn phần và nay chỉ hợp phần thứ tư nói "đặng chút ít bèn cho là đủ". "Tất cả trí nguyện vẫn còn chẳng mất" tức hợp thí dụ thứ tư "gặp gỡ nhau" tương ưng với trên nói "gặp gỡ thấy gã". "Ngày nay, đức Thế tôn giác ngộ chúng con" trở xuống tức hợp thí dụ thứ năm "chỉ ra châu báu". "Chúng con nay mới biết mình thiệt là Bồ-tát" trở xuống tức hợp nêu lên thí dụ thứ sáu "vui mừng được điều chưa từng có".

"Mà nói kệ rằng: trở xuống có mười hai hàng rưỡi kệ là phần thứ hai tụng phần văn Trường hàng ở trên. Trong Văn Trường hàng ở trên vốn có hai phần: 1. Lược nêu lên sự lãnh ngộ hiểu biết; 2. Rộng nêu lên sự lãnh ngộ hiểu biết. Nay mười hai hàng rưỡi kệ này cũng được phân làm hai: hai hàng rưỡi kệ đầu lược nêu lên sự lãnh ngộ hiểu biết; mười hàng sau rộng nêu lên sự lãnh ngộ hiểu biết. Trong văn lược nêu lên sự lãnh ngộ hiểu biết tự có hai phần: dùng pháp để thuyết và dùng thí dụ để thuyết, nay hai hàng rưỡi tụng thì hai hàng đầu tụng hần pháp thuyết, còn nửa hàng sau tụng phần dùng thí dụ để thuyết. "Thí như người nghèo cùng" trở xuống có mười hàng kệ tụng phần thứ hai tức rộng nói lên sự lãnh ngộ hiểu biết. Trong văn rộng nêu lên sự lãnh ngộ hiểu biết ở trên tự có khai dụ và hợp dụ, mỗi phần lại phân làm hai đoạn. Nay có sáu hàng kệ tụng đoạn khai mở thí dụ còn bốn hàng kế tụng đoạn hợp dụ. Trong văn khai mở thí dụ ở trên vốn có năm thí dụ. Nay trong sáu hàng kệ tụng đầy đủ cả sáu thí dụ. Một hàng ba câu đầu tụng thí dụ thứ nhất. "Gã say nằm đều không hay biết" gồm một câu tụng thí dụ thứ hai "sau khi gã đã dậy" trở xuống có hai hàng kệ tụng thí dụ thứ ba "dạo đến nước khác". "Người thân hữu cho châu" chỉ có nửa hàng tụng thí dụ thứ tư "gặp gở nhau". "Khổ thiết trách gã rồi" tức chỉ có nửa hàng kệ tụng thí dụ thứ năm "chỉ ra châu báu" "Gã nghèo thấy châu đó" tức có một hàng với nghĩa tụng thí dụ thứ sáu "vui mừng". Thí dụ thứ sáu này trong Văn Trường hàng ở trên không có nêu lên.

"Chúng con cũng như vậy" trở xuống có bốn hàng tụng phần hợp dụ nhưng nay lược mà không tụng phần hợp dụ thứ tư. Một hàng kệ đầu tụng hợp thí dụ thứ nhất "cột châu báu". "Chúng con vì vô trí"" tức chỉ có nửa hàng tụng hợp thí dụ thứ hai. "Được chút phần Niết-bàn" tức nửa hàng tụng hợp thí dụ thứ ba. "nay Phật giác ngộ con" gồm một kệ tụng hợp thí dụ thứ năm. "Con nay từ Phật nghe" gồm một hàng kệ tụng hợp thí dụ thứ sáu "vui mừng".